ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 101 /2026/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Thường trực Thành ủy,
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN và tổ chức CT-XH thành phố;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và PTTH Cần Thơ;
- VP. UBND thành phố (2C, 3C);
- Công báo, Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu VT, VHQ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khởi

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 101 /2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai xây dựng, hình thành, công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Nội dung chi tiết của tiêu chí

Tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh chia thành 03 nhóm, cụ thể:

1. Nhóm 1: Bộ chỉ số về không gian làm việc và kết nối

STT	Chỉ số	Yêu cầu
1.	Diện tích mặt bằng làm việc cho các chức danh của trung tâm	Diện tích phân khu làm việc đảm bảo bố trí tối thiểu 15 vị trí làm việc, diện tích tối thiểu từ 6 m^2/vị trí làm việc.
2.	Diện tích mặt bằng sử dụng cho phòng hội thảo	Không gian phòng hội thảo cho ít nhất 50 chỗ ngồi, được trang bị hệ thống trình chiếu, âm thanh, ánh sáng và các thiết bị cần thiết khác (Diện tích tối thiểu 60 m^2).

STT	Chỉ số	Yêu cầu
3.	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian tư vấn	Có khu làm việc với chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp và các chủ thể khác trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (Diện tích tối thiểu 20 m^2).
4.	Diện tích mặt bằng sử dụng cho khu làm việc chung	Khu làm việc chung sử dụng tối thiểu cho 15 chỗ làm việc (Diện tích tối thiểu 75 m^2 - tương đương 5 m^2/chỗ ngồi).
5.	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, công nghệ	Có không gian trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, công nghệ (Diện tích tối thiểu 50 m^2).
6.	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian ươm tạo	Có không gian ươm tạo (Diện tích tối thiểu 100 m^2).
7.	Diện tích mặt bằng khác	Khuyến khích bố trí các không gian hỗ trợ phục vụ hoạt động chung của trung tâm như khu sinh hoạt cộng đồng, khu tiếp khách, không gian truyền thông và các không gian hỗ trợ khác nhằm tạo môi trường làm việc mở, tăng cường kết nối, trao đổi tri thức và thúc đẩy hình thành các ý tưởng đổi mới sáng tạo.

Nguyên tắc xác định Bộ chỉ số về không gian làm việc và kết nối: Trường hợp trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh bố trí các không gian đa năng, sử dụng linh hoạt theo thời gian (như kết hợp không gian hội thảo với không gian trình diễn, trưng bày sản phẩm), tổng diện tích sàn sử dụng trực tiếp cho hoạt động đổi mới sáng tạo của trung tâm đạt tối thiểu 300 m^2 (diện tích này được bố trí trực tiếp cho các công năng làm việc, hội thảo, ươm tạo, trình diễn; hoàn toàn không bao gồm diện tích hành lang chung, khu vệ sinh công cộng, cầu thang bộ, buồng thang máy và diện tích lắp đặt hạ tầng kỹ thuật phụ trợ của tòa nhà).

2. Nhóm 2: Bộ chỉ số về hạ tầng số và dữ liệu

STT	Chỉ số	Yêu cầu
1.	Kết nối Internet tốc độ cao	Có hạ tầng cáp quang, Wifi phủ toàn bộ trung tâm với đường truyền tốc độ tối thiểu 300 Mbps.

STT	Chỉ số	Yêu cầu
2.	Hệ thống mạng kết nối thông tin phục vụ hoạt động của trung tâm	Có hệ thống mạng nội bộ (LAN/WAN) được thiết lập đồng bộ, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu và vận hành hoạt động của trung tâm.
3.	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	Có hệ thống lưu trữ dữ liệu thông qua máy chủ hoặc nền tảng điện toán đám mây; bảo đảm khả năng lưu trữ, sao lưu, phục hồi dữ liệu và duy trì hoạt động ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu của trung tâm.
4.	Triển khai cơ sở dữ liệu phục vụ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo	
a)	*Cơ sở dữ liệu chuyên gia*	Có cơ sở dữ liệu chuyên gia được quản lý, cập nhật thường xuyên, đáp ứng yêu cầu khai thác và kết nối phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.
b)	*Cơ sở dữ liệu công nghệ*	Có cơ sở dữ liệu công nghệ được quản lý, cập nhật thường xuyên, đáp ứng yêu cầu tra cứu, khai thác và kết nối phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.
c)	*Cơ sở dữ liệu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, mô hình kinh doanh mới, mô hình kinh doanh số và các dữ liệu khác có liên quan*	Có khả năng kết nối, truy cập và khai thác các cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sở hữu trí tuệ, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng, bí mật kinh doanh và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ khác phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm.
d)	*Cơ sở dữ liệu tư liệu, tài liệu chuyên môn và các dữ liệu khác có liên quan*	Có cơ sở dữ liệu tư liệu, tài liệu chuyên môn được quản lý, cập nhật thường xuyên, đáp ứng yêu cầu tra cứu, khai thác và chia sẻ thông tin phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

STT	Chỉ số	Yêu cầu
5.	Khả năng chuẩn hóa dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia	Bảo đảm khả năng và cam kết chuẩn hóa dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khi cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối.
6.	Khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia	Bảo đảm khả năng và cam kết kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và các hệ thống thông tin có liên quan của địa phương theo quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khi cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối.
7.	Khả năng truy cập vào các thư viện số về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong và ngoài nước	Có khả năng truy cập, khai thác thường xuyên hoặc thông qua hợp tác, liên kết đối với các thư viện số, cơ sở dữ liệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và sở hữu trí tuệ trong nước, quốc tế phục vụ hoạt động tư vấn, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.
8.	Khả năng tiếp cận hạ tầng tính toán hiệu năng cao để hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo triển khai các mô hình kinh doanh số	Có khả năng tiếp cận, kết nối hoặc khai thác hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao hoặc nền tảng công nghệ số phục vụ hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển sản phẩm và mô hình kinh doanh số của tổ chức, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khi có nhu cầu.
9.	Hạ tầng hỗ trợ làm việc từ xa (nếu có)	Khuyến khích bố trí hạ tầng kỹ thuật và nền tảng số hỗ trợ làm việc từ xa, họp trực tuyến, chia sẻ tài liệu và quản trị công việc trên môi trường số nhằm nâng cao yêu cầu quản lý, điều hành và phối hợp hoạt động chuyên môn.
10.	Các nền tảng số dùng chung đã triển khai	Đã triển khai và đưa vào sử dụng các nền tảng số phục vụ quản lý, điều hành, quản trị công việc, chia sẻ thông tin và quản lý dữ liệu trên môi trường số.

STT	Chỉ số	Yêu cầu
11.	Khả năng ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	Có khả năng tích hợp, khai thác các giải pháp ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ quản lý, điều hành, hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu, cung cấp dịch vụ và các hoạt động chuyên môn.
12.	Hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn	Hệ thống thông tin của trung tâm được xác định cấp độ an toàn và phê duyệt theo quy định của pháp luật.
13.	Hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ đã được phê duyệt	Thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn, an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; bảo đảm duy trì hoạt động ổn định, an toàn trong quá trình khai thác, vận hành.
14.	Hệ thống thông tin được triển khai giám sát an ninh mạng và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung (nếu có)	Có giải pháp giám sát an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung hoặc giải pháp tương đương phù hợp với quy mô, yêu cầu vận hành của hệ thống thông tin và quy định hiện hành.
15.	Hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an ninh mạng	Có ban hành và tổ chức thực hiện phương án ứng cứu, xử lý sự cố an ninh mạng; xác định đầu mối phối hợp và quy trình xử lý nhằm bảo đảm khả năng ứng phó, khắc phục sự cố trong quá trình vận hành hệ thống thông tin.

3. Nhóm 3: Bộ chỉ số về tiện ích và dịch vụ dùng chung

STT	Chỉ số	Yêu cầu
1.	Phòng thí nghiệm dùng chung (gồm danh mục các trang thiết bị cho mục đích thí nghiệm theo ngành, lĩnh vực)	Có phòng thí nghiệm dùng chung (Shared Lab) hoặc có thỏa thuận hợp tác, liên kết khai thác, sử dụng phòng thí nghiệm của cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhằm phục vụ hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, phát triển và hoàn thiện công nghệ, sản phẩm và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

STT	Chỉ số	Yêu cầu
2.	Phòng thử nghiệm dùng chung (gồm danh mục các trang thiết bị cho mục đích thử nghiệm theo ngành, lĩnh vực)	Có phòng thử nghiệm dùng chung (Shared Fab/Sandbox Space) hoặc có thỏa thuận hợp tác, liên kết khai thác của cơ sở thử nghiệm phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá, thử nghiệm sản phẩm, công nghệ, giải pháp kỹ thuật mới của tổ chức doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo.
3.	Trang thiết bị dùng chung	Có thiết bị phòng họp (hệ thống hội nghị trực tuyến, thiết bị phiên dịch); máy móc văn phòng và các thiết bị dùng chung khác.
4.	Sự tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng đối với phòng thí nghiệm dùng chung (nếu có)	Khuyến khích phòng thí nghiệm dùng chung bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện vận hành và quản lý chất lượng theo quy định hiện hành và tiêu chuẩn chuyên ngành có liên quan.
5.	Sự tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng đối với phòng thử nghiệm dùng chung (nếu có)	Khuyến khích phòng thử nghiệm dùng chung bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu quản lý chất lượng theo quy định hiện hành, phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn.
6.	Trang thiết bị hỗ trợ hành chính tại trung tâm (máy in, máy scan, máy chiếu, máy vi tính, màn hình, âm thanh…)	Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, điều hành, hội họp, đào tạo, hội nghị, hội thảo và hỗ trợ hoạt động chuyên môn của trung tâm; bảo đảm khả năng khai thác, sử dụng dùng chung hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với quy mô hoạt động.
7.	Trang thiết bị cần thiết để cung cấp dịch vụ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hạ tầng kỹ thuật, không gian làm việc, pháp lý, thông tin thị trường, tài chính, thương mại, truyền thông, kết nối đầu tư và hỗ trợ cần thiết khác	Có trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cần thiết để cung cấp dịch vụ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, pháp lý, thông tin thị trường, tài chính, thương mại, truyền thông, kết nối đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ khác.

STT	Chỉ số	Yêu cầu
8.	Tiện ích phụ trợ khác (nếu có)	Khuyến khích các tiện ích phụ trợ phục vụ hoạt động của trung tâm như khu tiếp đón, khu sinh hoạt chung, khu giải lao và các tiện ích cần thiết khác phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định này;

b) Tiếp nhận và tổ chức đánh giá việc đáp ứng tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh theo thẩm quyền.

2. Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp triển khai thực hiện Quy định này.